

Số: 18 /2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 13 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý công trình lưới điện và xử lý các hành vi phạm về an toàn điện trên địa bàn tỉnh Bình Dương

SỞ TƯ PHÁP BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 1327.....
	Ngày: 15/5/2015
	Chuyên: Xúc, TĐH, B.CĐ
	Lưu hồ sơ số: .. Căn cứ Luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03/12/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 439/TTr-SCT ngày 20/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý công trình lưới điện và xử lý các hành vi vi phạm về an toàn điện trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn lưới điện cao áp tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các

đơn vị quản lý vận hành lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 11/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

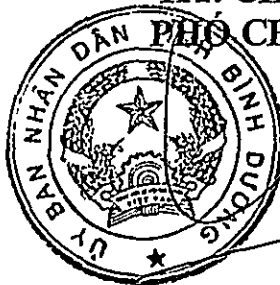
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: CT, TP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN, ĐĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 2;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;⁽²⁴⁾
- Báo BD, Đài PTTH Bình Dương;
- TT.CB tỉnh, Website Bình Dương;
- LĐVP, Tr, TH; HCTC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm quản lý công trình lưới điện và xử lý các hành vi vi phạm
về an toàn điện trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2015/QĐ-UBND
ngày 13 / 5 /2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hành lang an toàn lưới điện cao áp; trách nhiệm quản lý của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các đơn vị điện lực có liên quan đến công tác quản lý vận hành lưới điện; thỏa thuận khi xây dựng công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không; kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về an toàn điện trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với các sở, ban ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị điện lực; tổ chức, cá nhân có hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

b) Tổ chức, cá nhân có công trình xây dựng hoặc xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình có liên quan đến hành lang bảo vệ an toàn lưới điện trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình lưới điện cao áp bao gồm lưới điện cao áp và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, áp dụng cho lưới điện có điện áp danh định từ 6kV (6000V) trở lên.

2. Lưới điện cao áp là hệ thống đường dây tải điện, máy biến áp và trang thiết bị phụ trợ để truyền dẫn điện trên không và đường cáp điện ngầm.

3. Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp là khoảng không gian giới hạn chiều rộng, chiều cao, chiều dài dọc theo đường dây tải điện trên không và đường cáp điện ngầm hoặc bao quanh trạm điện và được quy định cụ thể theo từng cấp điện áp.

4. Đơn vị điện lực là tổ chức có đăng ký hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật, trực tiếp thực hiện quản lý vận hành lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Công trình xây dựng là các công trình công cộng, nhà ở, công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, năng lượng và các công trình khác.

Điều 3. Công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp

1. Công trình được xây dựng sau khi đã có công trình lưới điện cao áp mà toàn bộ hoặc một phần của công trình nằm trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp (trừ trường hợp được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 của Quy định này).

2. Mọi tài sản, công trình được tạo lập sau khi được chủ đầu tư thông báo thực hiện dự án, xây dựng công trình sau công trình lưới điện mà vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp thì buộc phải tháo dỡ phần vi phạm và không được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Trộm cắp hoặc tháo gỡ dây néo, dây tiếp địa, trang thiết bị của lưới điện; trèo lên cột điện, vào trạm điện hoặc khu vực bảo vệ an toàn công trình điện khi không có nhiệm vụ.

2. Sử dụng công trình lưới điện cao áp vào những mục đích khác khi chưa được sự thỏa thuận với đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp.

3. Thả diều, vật bay gần công trình lưới điện cao áp có khả năng gây sự cố lưới điện.

4. Lắp đặt ăng ten thu phát sóng; dây phơi; giàn giáo; biển, hộp đèn quảng cáo và các vật dụng khác tại các vị trí mà khi bị đổ, rơi có thể va chạm vào công trình lưới điện cao áp.

5. Trồng cây hoặc để cây vi phạm khoảng cách an toàn đối với đường dây dẫn điện trên không, trạm điện.

6. Bắn chim đậu trên dây điện, trạm điện hoặc quăng, ném bất kỳ vật gì lên đường dây điện, trạm điện.

7. Đào đất gây lún sụt công trình lưới điện cao áp, trạm điện.

8. Đắp đất, xếp các loại vật liệu, thiết bị hoặc đổ phế thải vi phạm khoảng cách an toàn.

9. Sử dụng cột điện, trạm điện để làm nhà, liêu, quán, buộc gia súc hoặc sử dụng vào mục đích khác.

10. Nổ mìn, mở mỏ; xếp, chứa các chất dễ cháy nổ, các chất hóa học có khả năng gây ăn mòn hoặc hư hỏng các bộ phận của công trình lưới điện.

11. Đốt nương rẫy, sử dụng các phương tiện thi công gây chấn động hoặc có khả năng làm hư hỏng, sự cố công trình lưới điện, trạm điện, nhà máy điện.

12. Điều khiển các phương tiện bay có khoảng cách đến bộ phận gần nhất của công trình lưới điện cao áp nhỏ hơn 100m, trừ trường hợp phương tiện bay làm nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa đường dây điện được phép theo quy định.

13. Để cây đổ vào đường dây điện khi chặt tỉa cây hoặc lợi dụng việc bảo vệ, sửa chữa công trình lưới điện cao áp để chặt cây.

14. Các hành vi khác vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ HÀNH LANG BẢO VỆ AN TOÀN LƯỚI ĐIỆN CAO ÁP

Điều 5. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

1. Hành lang bảo vệ an toàn của đường dây dẫn điện trên không được quy định như sau:

a) Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp.

b) Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV		35 kV		110 kV	220 kV	500 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần	Dây trần		
Khoảng cách	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m	7,0 m

c) Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

2. Hành lang bảo vệ an toàn các loại cáp điện đi trên mặt đất hoặc treo trên không là khoảng không gian dọc theo đường cáp điện và được giới hạn về các phía là 0,5 m tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng.

Điều 6. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm

Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm được quy định như sau:

1. Chiều dài hành lang được tính từ vị trí cáp ra khỏi ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm này đến vị trí vào ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm kế tiếp.

2. Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi:

a) Mặt ngoài của mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp;

b) Hai mặt thẳng đứng cách mặt ngoài của vỏ cáp hoặc sợi cáp ngoài cùng về hai phía của đường cáp điện ngầm đối với cáp đặt trực tiếp trong đất, trong nước được quy định trong bảng sau:

Loại cáp điện	Đặt trực tiếp trong đất		Đặt trong nước	
	Đất ổn định	Đất không ổn định	Nơi không có tàu thuyền qua lại	Nơi có tàu thuyền qua lại
Khoảng cách	1,0 m	1,5 m	20 m	100 m

3. Chiều cao được tính từ mặt đất hoặc mặt nước đến:

a) Mặt ngoài của đáy móng mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp;

b) Độ sâu thấp hơn điểm thấp nhất của vỏ cáp là 1,5m đối với cáp đặt trực tiếp trong đất hoặc trong nước.

Điều 7. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện

1. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện được quy định như sau:

a) Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ được giới hạn bởi không gian bao quanh trạm điện có khoảng cách đến các bộ phận mang điện gần nhất của trạm điện theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV	35 kV
---------	-----------	-------

Khoảng cách	2,0 m	3,0 m
-------------	-------	-------

b) Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, chiều rộng hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài tường hoặc hàng rào; chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

c) Đối với các trạm biến áp, trạm phân phối điện hợp bộ, có vỏ bằng kim loại thì hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài của phần vỏ kim loại.

2. Nhà và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải đảm bảo không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện; đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và đường dây dẫn điện trên không; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

Điều 8. Điều kiện tồn tại nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có cấp điện áp đến 220kV và 500kV

1. Nhà ở, công trình xây dựng được tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220kV nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy.

b) Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các bộ phận công trình lưới điện cao áp.

c) Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình đến dây dẫn điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220 Kv
Khoảng cách	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất một (01) mét và nhỏ hơn hoặc bằng 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất một (01) mét.

đ) Các kết cấu kim loại của nhà ở, công trình phải được nối đất theo quy định về kỹ thuật nối đất; phạm vi nối đất trong và liền kề hành lang bảo vệ an toàn đường dây đến 25 mét tính từ mép dây dẫn ngoài hoặc dưới cùng.

2. Đối với đường dây dẫn điện trên không có cấp điện áp 500kV

a) Không được phép tồn tại nhà ở và công trình có người thường xuyên sinh sống, làm việc trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có cấp điện áp từ 500kV trở lên, trừ những công trình chuyên ngành phục vụ vận hành lưới điện đó.

b) Các kết cấu kim loại của nhà ở, công trình ngoài hành lang an toàn lưới điện phải được nối đất theo quy định về kỹ thuật nối đất; Phạm vi nối đất trong và liền kề hành lang bảo vệ an toàn đường dây đến 60 mét tính từ mép dây dẫn ngoài hoặc dưới cùng.

c) Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, nhưng nằm giữa hai dây đường dây dẫn điện trên không điện áp từ 500kV trở lên được xem xét bồi thường, hỗ trợ và di dời khi có một trong các điều kiện sau:

- Cường độ điện trường lớn hơn 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất một (01) mét và lớn hơn hoặc bằng 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất một (01) mét.

- Khoảng cách theo phương nằm ngang giữa hai dây dẫn pha ngoài cùng gần nhất của hai đường dây dẫn điện ≤ 60 mét.

d) Trường hợp nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân có khoảng cách và cường độ điện trường đảm bảo theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này, nếu chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có văn bản đề nghị được ở lại gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện thì được xem xét ở lại và được bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất ở, diện tích nhà ở và công trình phụ phục vụ sinh hoạt như đối với đất ở, nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt trong hành lang an toàn đường dây dẫn điện trên không quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Việc bồi thường, hỗ trợ

a) Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình và đất trong hành lang an toàn đường dây dẫn điện trên không thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

b) Bồi thường đối với cây trong và ngoài hành lang an toàn đường dây dẫn điện trên không thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

c) Việc chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất khác sang đất ở; hỗ trợ chi phí di chuyển đối với nhà ở, công trình và đất trong hành lang an toàn lưới điện thực hiện theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

Chương III
KIỂM TRA, XỬ LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VI PHẠM
HÀNH LANG BẢO VỆ AN TOÀN LƯỚI ĐIỆN CAO ÁP

Điều 9. Kiểm tra và lập biên bản

1. Tổ công tác của xã, phường, thị trấn khi kiểm tra phát hiện hoặc được tổ chức, cá nhân thông báo về công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp có trách nhiệm phối hợp với đơn vị điện lực lập biên bản vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giải quyết theo thẩm quyền; đối với vụ việc vượt quá thẩm quyền thì trình cơ quan Nhà nước cấp trên theo pháp luật quy định.

2. Đơn vị quản lý vận hành lưới điện cao áp (kiểm tra viên điện lực), khi kiểm tra, phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực theo thẩm quyền và thông báo, đề xuất biện pháp xử lý bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Công Thương biết để xử lý.

3. Thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực điện lực đang thi hành công vụ; Chánh Thanh tra Sở Công Thương, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở; Giám đốc Công an tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện và Chánh Thanh tra Sở Xây dựng trong phạm vi quản lý khi kiểm tra, phát hiện các tổ chức, cá nhân vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp có thẩm quyền lập biên bản.

Điều 10. Hồ sơ và tang vật, phương tiện vi phạm an toàn điện

1. Biên bản vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực.
2. Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm (nếu có).
3. Sơ đồ công trình vi phạm thể hiện mức độ vi phạm của công trình.
4. Bản sao giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà; hồ sơ thiết kế; giấy phép xây dựng công trình; đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).
5. Các giấy tờ liên quan khác.

Điều 11. Nguyên tắc, hình thức và thẩm quyền xử phạt

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Giám đốc Công an tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện; Chánh Thanh tra, Thanh tra viên, Công chức thanh tra, Trưởng

đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Công Thương; Chánh Thanh tra Sở Xây dựng trong phạm vi quản lý, theo nguyên tắc, hình thức và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 12. Biện pháp cưỡng chế ngừng cung cấp điện

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn điện mà không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì ngoài các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính có thể bị cưỡng chế thi hành bằng biện pháp ngừng cung cấp điện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn điện bằng biện pháp ngừng cung cấp điện theo thẩm quyền hoặc theo đề nghị của người có thẩm quyền xử phạt tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong công tác bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp có thành tích xuất sắc thì được xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong công tác bảo vệ an toàn hành lang lưới điện cao áp nhưng thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định của Nhà nước gây thiệt hại cho người dân, cho đơn vị, gây mất an toàn cho lưới điện sẽ bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch hoặc buộc thôi việc và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp cấp tỉnh được lấy từ ngân sách tỉnh.

2. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp cấp huyện được lấy từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

Điều 15. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các tổ chức, cá nhân trong việc xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp được thực hiện theo Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản liên quan.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm và theo yêu cầu về tình hình vi phạm, công tác xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện cao áp tổ chức thực hiện Quy định này; báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm và theo yêu cầu về tai nạn điện, các vi phạm và xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trong phạm vi quản lý vận hành với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Sở Công Thương.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét bổ sung, điều chỉnh kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

2010 10/10

